

Phụ lục VI
DANH MỤC MÃ ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ CẤP 4 CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
TRỰC THUỘC CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP 3 CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị theo con dấu đang sử dụng	Mã định danh mới theo QĐ 20/QĐ-TTg	Cấp
A	Sở Nông nghiệp và Môi trường	H15.50	2
I	Văn phòng Đăng ký đất đai	H15.50.05	3
1	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Buôn Ma Thuột	H15.50.05.01	4
2	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Buôn Hồ	H15.50.05.02	4
3	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Buôn Đôn	H15.50.05.03	4
4	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Cư Kuin	H15.50.05.04	4
5	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Cư M'gar	H15.50.05.05	4
6	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Ea H'leo	H15.50.05.06	4
7	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Ea Kar	H15.50.05.07	4
8	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Ea Súp	H15.50.05.08	4
9	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Krông Ana	H15.50.05.09	4
10	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Krông Bông	H15.50.05.10	4
11	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Krông Búk	H15.50.05.11	4
12	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Krông Năng	H15.50.05.12	4
13	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Krông Pắc	H15.50.05.13	4
14	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Lắk	H15.50.05.14	4
15	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực M'Drắk	H15.50.05.15	4
16	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Tuy Hoà	H15.50.05.16	4
17	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Sông Cầu	H15.50.05.17	4
18	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Đông Hoà	H15.50.05.18	4
19	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Tuy An	H15.50.05.19	4
20	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Phú Hoà	H15.50.05.20	4
21	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Tây Hoà	H15.50.05.21	4
22	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Sơn Hoà	H15.50.05.22	4
23	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Sông Hinh	H15.50.05.23	4

STT	Tên đơn vị theo con dấu đang sử dụng	Mã định danh mới theo QĐ 20/QĐ-TTg	Cấp
24	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực Đồng Xuân	H15.50.05.24	4
II	Chi cục Kiểm lâm	H15.50.17	3
1	Hạt Kiểm lâm khu vực Buôn Đôn	H15.50.17.04	4
2	Hạt Kiểm lâm khu vực Ea H'leo	H15.50.17.06	4
3	Hạt Kiểm lâm khu vực Ea Kar	H15.50.17.07	4
4	Hạt Kiểm lâm khu vực Ea Súp	H15.50.17.08	4
5	Hạt Kiểm lâm khu vực Krông Bông	H15.50.17.10	4
6	Hạt Kiểm lâm khu vực Buôn Ma Thuột	H15.50.17.12	4
7	Hạt Kiểm lâm khu vực Lắk	H15.50.17.13	4
8	Hạt Kiểm lâm khu vực M'Drăk	H15.50.17.14	4
9	Hạt Kiểm lâm khu vực Sơn Hòa	H15.50.17.15	4
10	Hạt Kiểm lâm khu vực Đồng Xuân	H15.50.17.16	4
11	Hạt Kiểm lâm khu vực Tây Hòa	H15.50.17.17	4
12	Ban quản lý rừng đặc dụng Đèo Cả	H15.50.17.18	4
13	Ban quản lý rừng đặc dụng Krông Trai	H15.50.17.19	4
III	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật	H15.50.22	3
1	Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực Buôn Ma Thuột	H15.50.22.01	4
2	Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực Ea Kar	H15.50.22.02	4
3	Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực Cư M'gar	H15.50.22.06	4
4	Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực Lắk	H15.50.22.14	4
5	Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực Krông Búk	H15.50.22.15	4
6	Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực Tuy An Bắc	H15.50.22.16	4
7	Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực Phú Hòa 1	H15.50.22.17	4
8	Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực Sông Hinh	H15.50.22.18	4
IV	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	H15.50.16	4
1	Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Buôn Ma Thuột	H15.50.16.01	4
2	Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Buôn Hồ	H15.50.16.02	4
3	Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Buôn Đôn	H15.50.16.03	4
4	Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Ea Kar	H15.50.16.07	4

STT	Tên đơn vị theo con dấu đang sử dụng	Mã định danh mới theo QĐ 20/QĐ-TTg	Cấp
5	Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Lắc	H15.50.16.15	4
6	Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Tuy An Bắc	H15.50.16.16	4
7	Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Phú Hoà 1	H15.50.16.17	4
8	Trạm Chăn nuôi và Thú y khu vực Phú Yên	H15.50.16.18	4
9	Trạm Kiểm dịch động vật Phụng Hoàng	H15.50.16.19	4
10	Trạm Kiểm dịch động vật Ea H'leo	H15.50.16.20	4
11	Trạm Kiểm dịch động vật Hoà Phú	H15.50.16.21	4
12	Trạm Kiểm dịch động vật Hảo Sơn	H15.50.16.22	4
V	Trung tâm Khuyến nông	H15.50.26	4
1	Trạm Khuyến nông khu vực Buôn Ma Thuột	H15.50.26.01	4
2	Trạm Khuyến nông khu vực Krông Búk	H15.50.26.02	4
3	Trạm Khuyến nông khu vực Cư M'gar	H15.50.26.03	4
4	Trạm Khuyến nông khu vực Ea Kar	H15.50.26.04	4
5	Trạm Khuyến nông khu vực Lắc	H15.50.26.05	4
6	Trạm Khuyến nông khu vực Tuy An Bắc	H15.50.26.06	4
7	Trạm Khuyến nông khu vực Tuy Hòa	H15.50.26.07	4
8	Trạm Khuyến nông khu vực Sông Hinh	H15.50.26.08	4
9	Trạm giống nông nghiệp Hòa Xuân	H15.50.26.09	4
10	Trạm giống nông nghiệp Tuy Hòa	H15.50.26.10	4
VI	Chi cục Thủy sản và Biển	H15.50.21	3
1	Trung tâm đăng kiểm tàu cá	H15.50.21.01	4
VII	Ban Quản lý cảng cá	H15.50.29	3
1	Cảng cá Phú Lạc	H15.50.29.01	4
2	Cảng cá Tiên Châu	H15.50.29.02	4
3	Cảng cá Dân Phước	H15.50.29.03	4
4	Cảng cá Đông Tác	H15.50.29.04	4
B	Sở Công Thương	H15.03	2
I	Chi cục Quản lý thị trường Đắc Lắc	H15.03.04	3
1	Đội Quản lý thị trường số 1	H15.03.04.01	4

STT	Tên đơn vị theo con dấu đang sử dụng	Mã định danh mới theo QĐ 20/QĐ-TTg	Cấp
2	Đội Quản lý thị trường số 2	H15.03.04.02	4
3	Đội Quản lý thị trường số 3	H15.03.04.03	4
4	Đội Quản lý thị trường số 4	H15.03.04.04	4
5	Đội Quản lý thị trường số 5	H15.03.04.05	4
6	Đội Quản lý thị trường Thương mại điện tử, cơ động	H15.03.04.06	4